

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC
THỦ ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ngày 26 tháng 3 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

- Công ty: Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức
- Mã chứng khoán: TDW
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8 Khổng Tử, P.Bình Thọ, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM
- Điện thoại: 028 3896 0240 Fax: 028 3896 0241
- Người thực hiện công bố thông tin: Hứa Trọng Nghi
- Chức vụ: Giám đốc.
- Loại thông tin công bố: định kỳ, bất thường, 24 giờ, theo yêu cầu.

Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức công bố thông tin các nội dung sau:

Nghị quyết 004/NQ-HĐQT ngày 26/03/2021 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức.

Lý do: Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/3/2021 tại đường dẫn www.capnuocthuduc.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.



Hứa Trọng Nghi

Số : 004/NQ-CNTĐ-HĐQT

Tp.HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC THỦ ĐỨC

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Quyết định số 6662/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, về việc phê duyệt phương án và chuyển Chi nhánh Cấp nước Thủ Đức thuộc Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn thành Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức;
- Căn cứ biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 26 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo chỉ tiêu tài chính thực hiện và Dự thảo BCTC kiểm toán năm 2020:

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2019
1	Tổng giá trị tài sản	452.220.932.841	376.537.519.190
2	Doanh thu thuần	1.008.181.942.369	847.317.705.960
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	44.500.692.015	29.939.079.622
4	Lợi nhuận khác	(522.014.083)	(1.791.739.023)
5	Lợi nhuận trước thuế	43.978.677.932	28.147.340.599
6	Lợi nhuận sau thuế	35.495.289.034	22.394.493.912
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.176	1.763

2. Quỹ lương thực hiện của Người quản lý và NLĐ năm 2020:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ%/KH
A Người quản lý					
1	Số lượng NQL bình quân	người	6	6	100,00
2	Lương bình quân tháng	đ/ng/tháng	36.000.000	43.200.000	120,00
3	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng	2.592.000.000	3.110.400.000	120,00
4	Thù lao thực hiện	đồng	504.000.000	504.000.000	100,00

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ%/KH
B Người lao động					
1	Số lượng LĐ bình quân	người	401	400	99,75
2	Số lượng LĐ thực hiện	người	411	411	100,00
3	Lương bình quân tháng	đ/ng/tháng	17.000.000	18.700.000	110.00
4	Quỹ tiền lương thực hiện	đồng	81.804.000.000	89.760.000.000	109,73

Quỹ tiền lương và thù lao của Người quản lý sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

3. Kế hoạch quỹ tiền lương năm 2021

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2021
A Người quản lý			
1	Số lượng NQL bình quân	người	6
2	Lương bình quân tháng	đồng/người	36.000.000
3	Quỹ tiền lương kế hoạch	đồng	2.592.000.000
4	Thù lao HĐQT/BKS (không chuyên trách)	đồng	504.000.000
B Người lao động			
1	Số lượng lao động bình quân	người	416
2	Số lượng lao động định biên	người	422
3	Lương bình quân tháng	đồng/người	18.700.000
4	Quỹ tiền lương kế hoạch	đồng	93.350.000.000

Quỹ tiền lương và thù lao kế hoạch của Người quản lý sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trong kỳ họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

4. Các nội dung về kết chuyển chi phí trong năm 2020.

Kết chuyển các chi phí sau vào chi phí sản xuất kinh doanh năm 2020

Stt	Nội dung	Đvt	Số tiền
1	Chi phí gắn đồng hồ nước	đồng	12.951.154.479
2	Chi phí thay đồng hồ nước định kỳ	đồng	23.951.075.224

5. Kế hoạch tài chính năm 2021

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2021
1	Tổng doanh thu	triệu đồng	1.128.240
2	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	38.519
3	Cổ tức	%	12,00



6. Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020.

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích / LNPP (%)	Số tiền (đồng)
1	Lợi nhuận phân phối năm nay		34.572.868.893
2	Chia cổ tức (12,00% vốn điều lệ)	29,50%	10.200.000.000
3	Trích lập các quỹ		
3.1	Đầu tư phát triển :		922.420.141
	<i>Từ miễn giảm thuế</i>		922.420.141
	<i>Trích từ lợi nhuận phân phối</i>		-
3.2	Khen thưởng – Phúc lợi xã hội	33,90%	11.720.000.000
3.3	Khen thưởng Người quản lý	1,10%	388.800.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối kỳ này	35,50%	12.264.068.893
5	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		13.198.687.558
5.1	LN tăng do KTNN kiểm toán BCTC 2019		2.910.525.625
5.2	LN chưa phân phối các kỳ trước		10.288.161.933
6	Tổng lợi nhuận còn lại chưa phân phối		25.462.756.451

Việc chi trả cổ tức năm 2020 được thực hiện như sau:

- Ngày chốt danh sách thực hiện quyền: 13/05/2021.
- Thời gian thực hiện: Từ ngày 28/5/2021.
- Tỷ lệ cổ tức: 12,00% (01 cổ phiếu được nhận 1.200 đồng).
- Hình thức thanh toán: Bằng tiền

Kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức sẽ được trình thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mức chi cho thành viên từ khoản Khen thưởng Người quản lý sau khi được ĐHĐCĐ thông qua.

7 Đánh giá xếp loại doanh nghiệp, Người quản lý năm 2020.

- Đánh giá xếp loại doanh nghiệp: A
- Người quản lý doanh nghiệp: Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

8. Miễn nhiệm thành viên HĐQT/BKS

- Chấp thuận đơn từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT/BKS của ông Lục Chánh Trường, Nguyễn Ngọc Thái Bình, Hứa Trọng Nghi, Lê Văn Diễn. Thời gian từ nhiệm kể từ thời điểm kết thúc ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- Việc miễn nhiệm, bầu thành viên HĐQT/BKS sẽ được thực hiện tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

9. Nội dung tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Thông qua các nội dung sau:

- Quy chế tổ chức Đại hội;
- Chương trình Đại hội;
- Tờ trình các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ; các Quy chế liên quan đến quản trị công ty.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Phòng, ban, đội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tổng Đăng Khoa

